

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-PT

Ngày 28 - 8 - 2020

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lò Văn Diệt

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Hoàng Văn Tuyền

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thu Trang –Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLDS-PT ngày 23 tháng 7 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 02/6/2020 của Toà án nhân dân t.p Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lò Thị M. Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã CN, t.p Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Đức T. Địa chỉ: Số nhà 486, đường Lê Duẩn, phường CS, t.p Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Cà Văn P, bà Tòng Thị V. Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã CN, t.p Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lò Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lò Thị M trình bày:*

Bà M là con ruột của cụ Liềng Mùi P, địa chỉ: Tiểu khu 1, xã CN, t.p Sơn La, được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) mang tên Liềng Mùi P, thửa số 17, 17đ, tờ bản đồ số 22-1, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 0019/QSDĐ, theo Quyết định số 287 ngày 20/11/1998, do UBND thị xã Sơn La cấp (nay là t.p Sơn La), diện tích 2.165m² trong đó có 400m² đất ở và 1.765m² đất trồng cây ăn quả, tại Tiểu khu 1, xã CN, t.p Sơn La.

Đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đất của ông P; phía Tây giáp đất ông Bồn; phía Bắc giáp đất ông Lương Văn Giót; phía Nam giáp đường đi vào UBND xã CN.

Năm 2005, gia đình ông Cà Văn P là hộ có đất liền kề đã lấn chiếm sang đất nhà bà khoảng 200m², giá trị khoảng 30 triệu đồng. Việc tranh chấp đất đã được UBND xã CN hòa giải nhưng không thành. Bà Lò Thị M đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Cà Văn P, bà Tòng Thị V trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà M.

Bị đơn ông Cà Văn P, bà Tòng Thị V trình bày:

Năm 1998, vợ chồng ông được Nhà nước cấp GCNQSDĐ số N 613674 thửa số 18a, 18b, 13a, số tờ bản đồ 22-1, thửa số 17, số tờ bản đồ 1/SĐ số vào sổ cấp GCNQSDĐ số 0025/QSDĐ, theo quyết định số 287/QĐ-UB do UBND thị xã Sơn La (nay là t.p Sơn La) cấp ngày 20/11/1998, mang tên Cà Văn P, diện tích đất được cấp 6.900m² trong đó có: 400m² đất ở, 900m² đất trồng cây ăn quả và 5.600m² đất rừng trồng, tại Tiểu khu 1, xã CN, t.p Sơn La. Đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đất ông Sơn; phía Đông giáp đất ông Cu; phía Nam giáp đất ông Phòng; phía Tây giáp đất bà Pản.

Quá trình sử dụng đất của gia đình ông P ổn định không có tranh chấp, đến năm 2004, ông P cải tạo mặt bằng thì hàng rào cây xanh giáp ranh với nhà cụ Pản, bà M vẫn còn nguyên hiện trạng, không xảy ra tranh chấp. Năm 2017, khi bà M cải tạo mặt bằng để làm nhà cho con đã phá bỏ hàng rào ngăn cách để tiện cho việc xây dựng, sau khi làm nhà xong hứa sẽ trả lại hàng rào như ban đầu nhưng không trả.

Đến tháng 7 năm 2018 thì xảy ra tranh chấp, ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà M, diện tích đất thực tế hiện tại gia đình ông đang sử dụng cũng thiếu so với GCNQSDĐ được cấp. Việc thiếu đất là do cơ quan Nhà nước cấp sai, không đúng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân t.p Sơn La, xét xử và quyết định: Áp dụng các Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 98, 99, 126, 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” của nguyên đơn bà Lò Thị M đối với đồng bị đơn là vợ chồng ông Cà Văn P, bà Tòng Thị V.

2. Bà Lò Thị M tiếp tục quản lý và sử dụng đối với thửa đất đã được Nhà nước cấp cho bà theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Liềng Mùi P, do Ủy ban nhân dân thị xã Sơn La cấp ngày 20/11/1998 tại Tiểu khu 1, xã CN, thị xã Sơn La (*nay là t.p Sơn La*), tỉnh Sơn La.

3. Ông Cà Văn P và bà Tòng Thị V tiếp tục quản lý và sử dụng đối với thửa đất đã được Nhà nước cấp cho ông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cà Văn P do UBND thị xã Sơn La (*nay là t.p Sơn La*), tỉnh Sơn La cấp ngày 20/11/1998.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự có mặt, vắng mặt theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/6/2020 nguyên đơn bà Lò Thị M có đơn kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn rút một phần nội dung đơn kháng cáo đối với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại diện tích đất 142,3m² đã lấn chiếm.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Về tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm không công bố tài liệu xác minh về việc không thu thập được tờ bản đồ để xác định loại

đất đang có tranh chấp. Theo GCNQSDĐ nguyên đơn được cấp là thửa số 17 và 17đ có diện tích là 2.165m², Nhà nước thu hồi làm đường 300m² thuộc thửa số 17 đất ở, diện tích đất đo thực tế của 02 thửa còn lại là 1.197,5m² thiếu so với bìa được cấp là 668m²; phía Đông bắc giáp đất ông P có chiều dài 26m, hiện tại chỉ có 8,5m. Theo GCNQSDĐ của ông P được cấp thửa số 18a và 18b có diện tích là 1.300m² đo thực tế sử dụng của 02 thửa đất ông P có diện tích là 2.620,6m², còn thửa số 13a và thửa số 17 đất của ông P nằm ở vị trí khác, so với GCNQSDĐ của ông P được cấp thửa.

Từ các căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc đồng bị đơn trả lại diện tích đất 142,3m² đã lấn chiếm cho nguyên đơn.

Ý kiến tranh luận của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lò Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

Về tố tụng:

[1] Bà Lò Thị M và ông Nguyễn Khắc L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lũy đã có bản tự khai ngày 16/11/2018, được tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/11/2018. Bà M cho rằng diện tích đất đang có tranh chấp là của bà được thừa kế riêng không liên quan đến tài sản của ông Lũy.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông L không có ý kiến về quyền và nghĩa vụ đối với diện tích đất đang tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông

vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, tại cấp phúc thẩm ông L từ chối tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn mới nộp bổ sung 02 sơ đồ giao đất nhưng không được công chứng, chứng thực. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không thực hiện việc giao nộp, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết.

Về nội dung:

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lò Thị M:

Về nguồn gốc đất đang có tranh chấp bà Lò Thị M được hưởng thừa kế của mẹ đẻ là cụ Liêng Mùi P, đã được cấp GCNQSDĐ số 0019/QSDĐ, theo Quyết định số 287 ngày 20/11/1998 của UBND thị xã Sơn La (nay là t.p Sơn La), diện tích đất 2.165m²; trong đó có 400m² đất ở và 1.765m² đất trồng cây ăn quả. Việc bà M được thừa kế quyền sử dụng đất của cụ P đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất t.p Sơn La (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) ngày 07/10/2010. Quá trình sử dụng đất được thừa kế bà M vẫn sử dụng theo ranh giới hàng rào cây xanh giáp đất của gia đình ông P. Năm 2004, khi ông P cải tạo mặt bằng cụ Pản đang còn sống, ranh giới hàng rào cây xanh vẫn còn nguyên nên không có tranh chấp. Đến năm 2017, khi bà M làm nhà cho con trai có xin ông P phá hàng rào cây xanh để thuận tiện cho việc xây dựng và xây tường bao quanh thì mới xảy ra tranh chấp đất trồng cây ăn quả.

Về nguồn gốc đất của gia đình ông Cà Văn P đã được cấp GCNQSDĐ số 0025/QSDĐ, theo Quyết định số 287 ngày 20/11/1998 của UBND thị xã Sơn La, gồm các thửa 18a, 18b, 13a, tờ bản đồ số 22-1, thửa số 17, tờ bản đồ số 1/SĐ, diện tích 6.900m²; trong đó có 400m² đất ở, 900m² đất trồng cây ăn quả và 5.600m² đất trồng rừng. Quá trình sử dụng đất từ trước cho đến nay vẫn theo ranh giới hàng rào cây xanh tiếp giáp với các hộ liền kề không có tranh chấp.

[3] Xét việc tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Lò Thị M cho rằng:

Theo GCNQSDĐ nguyên đơn được cấp là thửa số 17 và 17đ có diện tích là 2.165m², Nhà nước thu hồi làm đường 300m² thuộc thửa số 17 đất ở, diện tích đất đo thực tế của 02 thửa còn lại là 1.197,5m² thiếu so với GCNQSDĐ được cấp là 668m². Theo GCNQSDĐ của ông P được cấp thửa số 18a và 18b giáp đất của bà M có diện tích là 1.300m², đo thực tế 02 thửa đất của gia đình ông P đang quản lý, sử dụng có diện tích là 2.620,6m², thừa ra 1.320,6m² so với GCNQSDĐ đã được cấp.

Bà M chỉ đưa ra căn cứ thiếu đất so với GCNQSDĐ được cấp nên đã cho rằng gia đình ông P lấn chiếm là không có cơ sở để chấp nhận. Quá trình sử dụng đất của hai hộ gia đình từ năm 1998, cho đến nay theo mốc giới hàng rào cây xanh ngăn cách, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ hai bên đã xác định rõ vị trí đất của hai gia đình hiện đang quản lý, sử dụng.

Đối với diện tích đất đang có tranh chấp bà M cho rằng gia đình ông P lấn chiếm là 142,3m² theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH Đoàn Gia Sơn La đo vẽ sơ đồ có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Cà Văn P 7,21m; phía Tây giáp đất của bà Lò Thị M 13,78m + 21,96m; phía Đông Nam giáp đất ông Cà Văn P 9,26m + 25,82m. Tòa án cấp sơ thẩm xác định trên đất có các tài sản 01 cây muỗm 02 cây nhãn con và 02 cây nhãn già do gia đình bà M trồng; 01 cây thông và 38 cây cà phê do gia đình ông P trồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P chỉ thừa nhận cây muỗm nằm tại vị trí hàng rào là do bà M trồng được xác định là mốc giới. Việc bà M cho rằng 02 cây nhãn con và 02 cây nhãn già do bà M trồng là không có cơ sở để chấp nhận. Vì các cây nhãn này nằm trong diện tích đất gia đình ông P đang quản lý, sử dụng và thu hái quả hàng năm, phù hợp với lời khai của bà M tại phiên tòa việc thu hái nhãn là ông P.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lò Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Xét đề nghị của nguyên đơn bà Lò Thị M sinh năm 1958 được gọi là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp được hoàn trả lại. Về án phí dân sự sơ thẩm, theo công văn số: 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao. Nếu đương sự không có đơn đề nghị thì Tòa án quyết định đương sự phải chịu án án phí là không vi phạm nên giữ nguyên án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lò Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 02/6/2020 của Tòa án nhân dân t.p Sơn La, tỉnh Sơn La như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” của nguyên đơn bà Lò Thị M đối với đồng bị đơn là vợ chồng ông Cà Văn P, bà Tòng Thị V.

2. Bà Lò Thị M được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với thửa đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Liềng Mùi P, do Ủy ban nhân dân thị xã Sơn La cấp ngày 20/11/1998, tại Tiểu khu 1, xã CN, thị xã Sơn La (*nay là t.p Sơn La*), tỉnh Sơn La. (Theo hiện trạng diện tích đất thực tế hiện đang quản lý, sử dụng).

3. Ông Cà Văn P, bà Tòng Thị V được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với thửa đất đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Cà Văn P, do UBND thị xã Sơn La (*nay là t.p Sơn La*), tỉnh Sơn La cấp ngày 20/11/1998. (Theo hiện trạng diện tích đất thực tế hiện đang quản lý, sử dụng).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bà Lò Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0001226 ngày 16/6/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự t.p Sơn La.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2020).

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Sơn La;
- TAND t.p Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lò Văn Diệt

